

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2019/TLST – HN&GD, ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bá Văn K, sinh năm 1986

ĐKNKTT: Xóm Tân Long 2, xã Tân hương, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T

Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 03 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/03/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bá Văn K và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bá Văn K và chị Nguyễn Thị H xác định tình

cảm vợ chồng không còn. Điều nhất trí thỏa thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Anh Bá Văn K và chị Nguyễn Thị H xác định quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Bá Thị Bích N, sinh ngày 04/12/2009; Bá Quang N, sinh ngày 03/02/2012. Anh K, chị H thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao cả hai con chung: cháu Bá Thị Bích N, sinh ngày 04/12/2009; Bá Quang N, sinh ngày 03/02/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên thỏa thuận quyền thăm và chăm sóc con chung theo quy định, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Bá Văn K nhất trí thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 1000.000đ/tháng, hai cháu là 2000.000đ/tháng (hai triệu đồng)

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: kể từ tháng 03/2019 cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị H có thay đổi việc cấp dưỡng.

Về lãi suất chậm thi hành án của khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh K, chị H thống nhất thỏa thuận không tính lãi suất khoản tiền cấp dưỡng trong giai đoạn thi hành án, nếu anh K chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng.

2.3. *Về tài sản chung*: Anh Bá Văn K và chị Nguyễn Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Khoản nợ chung, khoản cho vay chung*: Anh Bá Văn K, chị Nguyễn Thị H và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh thị xã Phổ Yên thống nhất thỏa thuận:

Anh Bá Văn K là người chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản tiền nợ chung của vợ chồng số tiền gốc: 60.000.000đ (*Bằng chữ: sáu mươi triệu đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh hàng tháng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ;

Anh Bá Văn K không yêu cầu chị H có trách nhiệm trả cùng khoản tiền nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh thị xã Phổ Yên tại Hợp đồng tín dụng số 8508 LAV802023 ngày 04 tháng 6 năm 2018.

Kể từ khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, Ngân hàng có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Kiên không trả được số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.5. *Về án phí*: Anh Bá Văn K, chị Nguyễn Thị H thỏa thuận: anh K tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn theo sơ thẩm 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ. Anh K được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009895 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận anh K đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Tân Hương, TX Phổ Yên;
- Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh TX Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà